TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1230/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồi
2. Ông Nguyễn Thanh Nhựt

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 861/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: 58D tổ 4, ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, Thành Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Lăng, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: 74/17 tổ 4, ấp C, xã B, huyện Hóc Môn, Thành Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông Phạm Văn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/9/2010.

Cuộc sống chung của bà H và ông L hạnh phúc. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Lkhông có việc làm ổn định, không chăm lo kinh tế gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, có khi về đánh vợ. Do ông L đánh và đuổi bà H đi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xin được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: Bà H và Phạm Văn L có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H hiện làm việc tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Minh Tâm Phát, thu nhập 10.400.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ông L và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/9/2010.

Cuộc sống chung của ông L và bà H hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vả nhau về vấn đề kinh tế gia đình, bà H thường xuyên bỏ ra ngoài chơi không chăm sóc con chu đáo khi con bị bệnh, khi bà H xúc phạm ông L thì ông L không kiềm chế được nên có đánh bà H. Bà H đã tự bỏ nhà ra đi từ năm 2014 đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L thì ông L đồng ý.

Về con chung: Ông L và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung thì ông L không đồng ý. Ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, con chung do ông L trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2014 đến nay và phát triển bình thường. Ông L hiện làm nghề may tự do, thu nhập từ 8 đến 10 triệu đồng một tháng nên có đủ điều kiện nuôi con chung. Do ông L làm nghề may tự do nên không có hợp đồng lao động nên không thể chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng

xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H và ông L ly hôn; giao con chung Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011 cho ông L trực tiếp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là ông Phạm Văn Lăng, địa chỉ: 74/17 tổ 4, ấp C, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của hai bên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn L đã chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/9/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 104/2010, quyển số 01/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà bà H và ông L là hợp pháp.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng từ đầu đã không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mẫu do ông L không có việc làm ổn định, không chăm lo kinh tế gia đình, có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, đánh đập, đuổi ra khỏi nhà và bà H đã sống ly thân với ông L từ giữa năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn.

Xét quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông L trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Ông Lcũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà H. Ghi nhận việc bà H và ông L thống nhất ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn L 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, bà H có công việc ổn định, có hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Minh Tâm Phát, thu nhập 10.400.000 đồng/tháng; ông L hiện làm nghề may tự do, thu nhập từ 8 đến 10 triệu đồng một tháng nên bà H và ông L đều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét, con chung Phạm Nguyễn Đăng K do ông L trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2014; trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân cháu K phát triển bình thường nên việc ông L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở. Xét, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, việc thay đổi môi trường sinh sống của con chung sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và nếp sinh hoạt hàng ngày của con chung nên yêu cầu của bà H về việc trực tiếp nuôi con chung không có cơ sở.

Về tài sản chung, nợ chung: hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H và ông L ly hôn; giao con chung Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011 cho ông L trực tiếp nuôi con chung phù hợp hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 22/9/2010 cho bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Nguyễn Đăng K, sinh ngày 23/10/2011 cho ông Phạm Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0032343 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hường đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM
- Chi cục THADS H. Hóc Môn
- VKSND H. Hóc Môn;
- UBND X.D, H.Quỳnh Lưu;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long